

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 06/2002/
NĐ-CP ngày 14/1/2002 quy định
chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo
lường.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10
năm 1999;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học,
Công nghệ và Môi trường,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Đo lường được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06 tháng 10 năm 1999.

Điều 2.

1. Tính thống nhất và chính xác của đo lường được thể hiện thông qua việc biểu thị kết quả đo theo đơn vị đo lường hợp pháp và có sai số nằm trong giới hạn phù hợp với yêu cầu của phép đo.

2. Việc đảm bảo đo lường thống nhất và chính xác là trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).

Điều 3. Mọi tổ chức, cá nhân theo chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các quy định của Nhà nước, của ngành và của địa phương về đo lường;

2. Trang bị phương tiện đo, tổ chức việc sử dụng, bảo quản phương tiện đo và thực hiện phép đo nhằm đảm bảo cho đo lường thống nhất, chính xác phù hợp với nhiệm vụ chính trị, xã hội, nghiên cứu khoa học và giá trị hàng hóa, dịch vụ trong sản xuất, kinh doanh của mình;

3. Xây dựng và ban hành các quy định cần thiết cho công tác quản lý đo lường nhằm đảm bảo đo lường thống nhất và chính xác;

4. Tổ chức hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện đo;

5. Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhân viên đo lường.

Điều 4.

1. Khiếu nại những hành vi vi phạm pháp luật đo lường là việc tổ chức, công dân đề nghị với tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi hành chính về đo lường hoặc có liên quan đến đo lường; khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật về đo lường, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về đo lường là việc công dân báo cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết hành vi vi phạm pháp luật về đo lường hoặc có liên quan đến đo lường của bất cứ tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại cho Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

3. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, tố cáo về đo lường theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và các quy định hiện hành khác của pháp luật có liên quan.

*Chương II***ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG HỢP PHÁP VÀ
CHUẨN ĐO LƯỜNG****Điều 5.**

1. Đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam được xây dựng phù hợp với Hệ đơn vị đo lường quốc tế (SI) đã được Đại hội cân đo quốc tế lần thứ XI họp tại Paris năm 1960 thông qua và tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung tại các Đại hội sau đó.

2. Hệ đơn vị đo lường quốc tế gồm bảy đơn vị cơ bản và các đơn vị dẫn xuất được suy ra từ các đơn vị cơ bản này.

Bảy đơn vị cơ bản của hệ đơn vị đo lường quốc tế là:

- a) Mét, ký hiệu là m, là đơn vị đo chiều dài;
- b) Kilôgam, ký hiệu là kg, là đơn vị đo khối lượng;
- c) Giây, ký hiệu là s, là đơn vị đo thời gian;
- d) Ampe, ký hiệu là A, là đơn vị đo cường độ dòng điện;
- e) Kenvin, ký hiệu là K, là đơn vị đo nhiệt độ;
- e) Candela, ký hiệu là cd, là đơn vị đo cường độ sáng;
- g) Mol, ký hiệu là mol, là đơn vị đo lượng chất.

Đơn vị đo lường hợp pháp được quy định trong Nghị định số 65/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ ban hành Hệ thống đơn vị đo lường hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 6. Hệ thống chuẩn đo lường của từng lĩnh vực đo gồm chuẩn quốc gia và các chuẩn có độ chính xác thấp hơn là chuẩn chính và chuẩn công tác:

1. Chuẩn quốc gia là chuẩn đo lường theo quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Đo lường;

2. Chuẩn chính là chuẩn đo lường có độ chính xác cao nhất ở một địa phương hoặc một tổ chức để xác định giá trị các chuẩn còn lại của lĩnh vực đo đó. Chuẩn chính được định kỳ liên kết trực tiếp với chuẩn quốc gia hoặc gián tiếp qua chuẩn khác có độ chính xác cao hơn;

3. Chuẩn công tác là chuẩn đo lường được dùng để kiểm định hoặc hiệu chuẩn phương tiện đo. Chuẩn công tác được định kỳ liên kết trực tiếp với chuẩn chính hoặc gián tiếp qua chuẩn khác có độ chính xác cao hơn.

Điều 7.

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xây dựng quy hoạch chuẩn đo lường quốc gia phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế quốc dân và xu hướng phát triển của khoa học - kỹ thuật đo lường trên thế giới để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Trên cơ sở quy hoạch chuẩn đo lường quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan khác đảm nhận việc thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn đo lường quốc gia đối với lĩnh vực đo đặc thù.

Điều 8. Trên cơ sở kết quả đánh giá và kiến nghị của Hội đồng thẩm định chuẩn đo lường quốc gia, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia.

Căn cứ để đánh giá và phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia bao gồm:

1. Trình độ kỹ thuật và đo lường của chuẩn;
2. Các điều kiện cần thiết phục vụ việc bảo quản, duy trì và dẫn xuất chuẩn, bao gồm phương tiện

so sánh, trang thiết bị phụ, điều kiện môi trường, mặt bằng làm việc;

3. Năng lực của cán bộ chuyên môn;

4. Các văn bản kỹ thuật và nghiệp vụ đo lường có liên quan.

Nội dung, trình tự, thủ tục phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thẩm định chuẩn đo lường quốc gia thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 9. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm bảo đảm về tài chính, hợp tác quốc tế và các điều kiện vật chất, kỹ thuật cần thiết khác để thực hiện quy hoạch xây dựng chuẩn đo lường quốc gia; duy trì, khai thác và so sánh quốc tế các chuẩn này theo đúng quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh Đo lường.

Điều 10.

1. Mẫu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Pháp lệnh Đo lường là chất hoặc vật liệu mà một hay nhiều giá trị về thành phần hoặc tính chất của nó đã được xác định về tính đồng nhất và độ chính xác để hiệu chuẩn thiết bị, đánh giá phương pháp đo hoặc để ấn định giá trị về thành phần hoặc tính chất của vật liệu hoặc chất khác.

2. Mẫu chuẩn được chứng nhận là mẫu chuẩn có kèm theo giấy chứng nhận mà trong đó có một hay nhiều giá trị về thành phần và tính chất của nó được chứng nhận theo một thủ tục xác định nhằm thiết lập sự liên kết giữa chúng với việc thể hiện chính xác các đơn vị dùng để biểu thị giá trị về thành phần hoặc tính chất và mỗi giá trị được chứng nhận này có kèm theo độ không đảm bảo đo cụ thể.

Điều 11. Cơ quan hoặc tổ chức thực hiện việc chứng nhận mẫu chuẩn chịu trách nhiệm về kết

quả các dữ kiện thể hiện trong giấy chứng nhận mẫu chuẩn do mình cung cấp.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định cụ thể việc quản lý mẫu chuẩn và mẫu chuẩn được chứng nhận.

Chương III

KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO

Điều 12.

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Danh mục phương tiện đo phải kiểm định sau khi đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan; quy định việc đăng ký kiểm định; quy định nội dung, trình tự, thủ tục công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định phương tiện đo.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường các cấp có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc kiểm định và xây dựng mạng lưới ủy quyền kiểm định phương tiện đo đáp ứng yêu cầu trên địa bàn được phân công quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, sửa chữa, nhập khẩu, sử dụng phương tiện đo thuộc danh mục phải kiểm định thì phải đăng ký kiểm định theo các chế độ kiểm định quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh Đo lường.

Tổ chức, cá nhân có phương tiện đo được kiểm định; tổ chức, cá nhân có yêu cầu phê duyệt mẫu phương tiện đo phải nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 13.

1. Tổ chức được thực hiện việc kiểm định phương tiện đo gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường hoặc tổ chức thuộc cơ quan này được công nhận khả

năng kiểm định đối với những phương tiện do cụ thể;

b) Các tổ chức khác được ủy quyền kiểm định đối với những phương tiện do cụ thể.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 14. Việc kiểm định phương tiện do kiểm định viên đo lường (sau đây gọi là kiểm định viên) thực hiện thống nhất theo các quy trình kiểm định. Kiểm định viên phải được chứng nhận và cấp thẻ kiểm định viên để thực hiện nhiệm vụ kiểm định tại một tổ chức kiểm định được công nhận hoặc ủy quyền.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định cụ thể việc chứng nhận kiểm định viên và việc ban hành các quy trình kiểm định.

Chương IV

HIỆU CHUẨN PHƯƠNG TIỆN ĐO, PHÉP ĐO

Điều 15. Hiệu chuẩn được thực hiện đối với các phương tiện đo sau:

1. Phương tiện đo dùng làm chuẩn để hiệu chuẩn phương tiện đo khác, để khắc độ phương tiện đo;

2. Phương tiện đo dùng để điều khiển, điều chỉnh các quá trình công nghệ trong sản xuất, dịch vụ;

3. Phương tiện đo dùng để xác định các đặc tính hoặc tính năng sử dụng của sản phẩm, vật liệu, thiết bị nhằm phục vụ việc kiểm tra chất lượng, nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới, bảo hành, sửa chữa và phục hồi sản phẩm;

4. Phương tiện đo dùng trong nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Điều 16.

1. Hoạt động hiệu chuẩn bao gồm:

a) Thực hiện việc hiệu chuẩn các chuẩn chính tại phòng hiệu chuẩn thích hợp;

b) Tự hiệu chuẩn các chuẩn công tác bằng cách so sánh trực tiếp với chuẩn chính thích hợp hoặc gián tiếp qua các chuẩn khác có độ chính xác cao hơn;

c) Tự hiệu chuẩn phương tiện đo bằng các chuẩn công tác thích hợp;

d) Hiệu chuẩn theo yêu cầu của các đơn vị khác.

2. Công nhận phòng hiệu chuẩn là biện pháp đảm bảo độ tin cậy, chính xác của kết quả hiệu chuẩn; là điều kiện cần thiết để tham gia việc thừa nhận lẫn nhau về kết quả đo lường, thử nghiệm giữa các cơ sở trong nước, giữa các nước trong khu vực và quốc tế.

Phòng hiệu chuẩn thực hiện việc hiệu chuẩn và chịu trách nhiệm về kết quả hiệu chuẩn.

Điều 17. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cụ thể sau đây nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh phát triển hoạt động hiệu chuẩn và xây dựng phòng hiệu chuẩn được công nhận:

1. Quy định những yêu cầu chung về năng lực của phòng hiệu chuẩn và của cơ quan công nhận có thẩm quyền trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế đã thống nhất để áp dụng trên phạm vi cả nước;

2. Tổ chức rộng rãi việc đào tạo, cung cấp thông tin, kiến thức về hoạt động hiệu chuẩn và công nhận phòng hiệu chuẩn cho các cơ sở;

3. Ưu tiên sử dụng phòng hiệu chuẩn được công nhận trong việc thực hiện các nhiệm vụ hiệu

chuẩn, thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; trong việc tham gia hợp tác khu vực và quốc tế về hiệu chuẩn và thử nghiệm.

Điều 18. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định các phép đo và phương pháp đo để tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo thực hiện. Tổ chức, cá nhân thực hiện phép đo có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để người có trách nhiệm, khách hàng hoặc đại diện của khách hàng có thể kiểm tra các phép đo và phương pháp đo này.

Điều 19. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định danh mục hàng hóa đóng gói sẵn theo định lượng phải được quản lý, chênh lệch cho phép giữa hàng hóa thực tế với lượng hàng hóa ghi trên bao bì và phương pháp kiểm tra tương ứng.

Chương V

SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU PHƯƠNG TIỆN ĐO

Điều 20.

1. Việc sản xuất phương tiện đo bao gồm tự nghiên cứu thiết kế, chế tạo; nhập khẩu linh kiện, phụ tùng hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ chế tạo, lắp ráp phương tiện đo để sử dụng trong nước và xuất khẩu.

2. Những trường hợp sau đây không phải phê duyệt mẫu phương tiện đo theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Đo lường:

a) Phương tiện đo sản xuất theo thiết kế mẫu của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền ban hành;

b) Phương tiện đo sản xuất theo mẫu của tổ chức, cá nhân khác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp này phải được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức, cá nhân đó.

Điều 21. Đối với các phương tiện đo nhập khẩu, những trường hợp sau đây không phải phê duyệt mẫu phương tiện đo theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Đo lường:

1. Phương tiện đo đã có giấy chứng nhận phê duyệt mẫu của Tổ chức Đo lường Pháp quyền Quốc tế (OIML);

2. Phương tiện đo đã có giấy chứng nhận phê duyệt mẫu của cơ quan đo lường quốc gia của những nước có sự thừa nhận lẫn nhau về kết quả thử nghiệm phương tiện đo với Việt Nam.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

Điều 22. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đo lường trong phạm vi cả nước.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đo lường.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan trực tiếp giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về đo lường, có quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu, lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, tiêu chuẩn về đo lường trình cơ quan nhà nước cấp trên ban hành; tổ chức thực hiện các quyết định của Chính phủ và cơ quan quản lý cấp trên đã phê duyệt và ban hành nói trên;

2. Thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn đo lường quốc gia của các lĩnh vực đó;

3. Tổ chức hoạt động kiểm định, tiến hành kiểm định công nhận khả năng kiểm định và ủy

quyền kiểm định phương tiện đo; chứng nhận kiểm định viên đo lường;

4. Hướng dẫn, tổ chức và phát triển hoạt động hiệu chuẩn phương tiện đo, tổ chức việc công nhận các phòng hiệu chuẩn và chứng nhận mẫu chuẩn;

5. Tổ chức và quản lý việc phê duyệt mẫu phương tiện đo trong sản xuất và nhập khẩu phương tiện đo;

6. Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật về đo lường;

7. Phối hợp với các cơ quan có liên quan, các địa phương tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật về đo lường;

8. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra tổ chức và cá nhân trong việc thi hành pháp luật về đo lường; giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý các vi phạm pháp luật về đo lường trong phạm vi thẩm quyền;

9. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về đo lường theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 23. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

1. Khi nghiên cứu, xây dựng mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển ngành phải đồng thời lập quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển đo lường làm cơ sở cho việc cải tiến công nghệ, ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật mới và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học của ngành;

2. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, xây dựng và ban hành các quy định cần thiết cho công tác quản lý đo lường của ngành;

3. Xây dựng và phát triển các cơ quan đo lường

của ngành, của cơ sở; tổ chức việc phối hợp và liên kết các khả năng về đo lường của cơ sở nhằm phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu khoa học của ngành, của cơ sở;

4. Xây dựng trình Chính phủ ban hành các chính sách, quy định ưu đãi về đầu tư, tín dụng, thuế, quyền sử dụng đất đai, hợp tác quốc tế nhằm khuyến khích việc sản xuất và xuất khẩu phương tiện đo; dành kinh phí thích hợp cho các hoạt động kiểm định.

5. Theo dõi, kiểm tra các hoạt động về đo lường của ngành, của cơ sở để bảo đảm việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường.

Điều 24. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương.

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đo lường.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan trực tiếp giúp Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về đo lường ở địa phương.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 25. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, thẩm quyền của mình có trách nhiệm:

1. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, ban hành các văn bản cần thiết cho công tác quản lý đo lường ở địa phương;

2. Có quy hoạch, kế hoạch và dành kinh phí thích hợp để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và

mua sắm trang thiết bị cần thiết cho việc quản lý đo lường tại địa phương;

3. Tổ chức thực hiện và tuyên truyền, giáo dục nhân dân thực hiện các quy định của Nhà nước về đo lường; kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân hoạt động buôn bán, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công ích khác tại các chợ, khu thương mại tập trung, nơi cung cấp các dịch vụ công cộng, nơi thu mua nông sản, đảm bảo cho các phép đo được thực hiện đúng và chính xác;

4. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết trong phạm vi quyền hạn được giao hoặc chuyển đến các cơ quan có trách nhiệm để giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các kiến nghị về đo lường.

Chương VII

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ ĐO LƯỜNG

Điều 26. Thanh tra chuyên ngành về đo lường là chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện thanh tra chuyên ngành về đo lường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

Điều 27.

1. Nội dung của thanh tra chuyên ngành đo lường là: thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đơn vị đo lường; chuẩn đo lường và mẫu chuẩn; kiểm định và ủy quyền kiểm định phương tiện đo; về sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phương tiện đo; về sản xuất, buôn bán hàng đóng gói sẵn theo định lượng; về việc thực hiện phép đo và các quy định khác của pháp luật liên quan đến đo lường.

2. Phương thức, thủ tục thanh tra chuyên

ngành về đo lường thực hiện theo các quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 28. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về đo lường chỉ tuân theo pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra chuyên ngành đo lường.

Điều 29.

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra chuyên ngành về đo lường; Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên chuyên ngành về đo lường.

2. Thanh tra viên chuyên ngành về đo lường được cấp thẻ Thanh tra viên, được trang bị trang phục thống nhất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Thanh tra chuyên ngành về đo lường được sử dụng con dấu riêng trong hoạt động thanh tra.

Điều 30. Thanh tra chuyên ngành về đo lường có nhiệm vụ sau:

1. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, xây dựng chương trình, kế hoạch, công tác thanh tra đo lường trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

2. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra đo lường, chương trình, kế hoạch công tác, nghiệp vụ về thanh tra đo lường;

3. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra đo lường cho thanh tra viên đo lường, các cộng tác viên thanh tra đo lường;

4. Tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo, xác

minh, kết luận và kiến nghị biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

5. Thanh tra, kết luận về việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường;

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Thanh tra chuyên ngành đo lường có quyền:

1. Kiến nghị với Thủ trưởng cơ quan cùng cấp, tổ chức thanh tra cấp trên về biện pháp ngăn chặn, xử lý sau khi thanh tra;

2. Yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra, yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan cử người tham gia công tác thanh tra;

3. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của cơ quan cùng cấp hoặc của cấp dưới liên quan đến vụ việc, đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho công tác thanh tra;

4. Tạm đình chỉ hành vi nếu xét thấy hành vi đó vi phạm pháp luật, gây tác hại hoặc có nguy cơ gây tác hại đến lợi ích của Nhà nước hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân;

5. Tạm đình chỉ công tác, cảnh cáo đối với đối tượng thanh tra thuộc phạm vi quản lý có hành vi cố ý gây cản trở cho việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra; trong trường hợp đối tượng thanh tra không thuộc phạm vi quản lý thì báo cáo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định;

6. Niêm phong tài liệu, kê biên tài sản; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tạm giữ tiền, đồ vật, đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ có liên quan trong trường hợp có căn cứ để nhận định là có vi phạm pháp luật và cần phải ngăn chặn, tìm biện pháp xử lý kịp thời;

7. Trưng cầu giám định, mời cộng tác viên tham gia công tác thanh tra trong trường hợp cần thiết;

8. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử phạt theo các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

9. Chuyển hồ sơ về việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra hình sự để xử lý theo quy định của pháp luật nếu xét thấy có dấu hiệu cấu thành tội phạm;

10. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Các tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra hoặc liên quan đến việc thanh tra có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị và quyết định về thanh tra theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để tổ chức thanh tra và thanh tra viên hoàn thành nhiệm vụ; các đối tượng thanh tra nói tại Điều này có quyền giải trình, khiếu nại đối với kết luận, kiến nghị, quyết định của thanh tra theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

XỬ PHẠT VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐO LƯỜNG

Điều 33. Việc xử phạt vi phạm hành chính về đo lường được thực hiện theo một nghị định riêng của Chính phủ.

Điều 34. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở hoạt động hợp pháp hoặc vi phạm pháp luật về đo lường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và

Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 36. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 37. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 07/2002/
NĐ-CP ngày 14/1/2002 về việc
thành lập xã thuộc các huyện Gò
Công Tây, Gò Công Đông, tỉnh
Tiền Giang.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập xã thuộc các huyện Gò Công Tây, Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang như sau:

1. Thành lập xã Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở 1.134,32 ha diện tích tự nhiên và 2.836 nhân khẩu của xã Tân Phú; 550,2 ha diện tích tự nhiên và 1.769 nhân khẩu của xã Tân Thới; 552,51 ha diện tích tự nhiên và 358 nhân khẩu của xã Phú Thạnh.

Xã Tân Thạnh có 2.237,03 ha diện tích tự nhiên và 4.963 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Tân Thạnh: Đông giáp xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông; Tây giáp tỉnh Bến Tre; Nam giáp tỉnh Bến Tre; Bắc giáp các xã Tân Thới, Tân Phú và Phú Thạnh.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã Tân Thạnh, xã Tân Phú còn lại 1.893,08 ha diện tích tự nhiên và 8.990 nhân khẩu; xã Tân Thới còn lại 2.189,3 ha diện tích tự nhiên và 11.699 nhân khẩu; xã Phú Thạnh còn lại 2.299,39 ha diện tích tự nhiên và 6.270 nhân khẩu.

2. Thành lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở 1.745,67 ha diện tích tự nhiên và 9.568 nhân khẩu của thị trấn Tân Hòa.

Địa giới hành chính xã Tăng Hòa: Đông giáp xã Tân Thành; Tây giáp thị trấn Tân Hòa; Nam giáp xã Phú Đông và xã Phú Tân; Bắc giáp các xã Bình Ân, Tân Điền, Bình Nghị.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập xã Tăng Hòa, thị trấn Tân Hòa còn lại 322,74 ha diện tích tự nhiên và 5.298 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI